

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 2347/LĐTBOXH-VPQGGN ngày 26/6/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Trên cơ sở tình hình thực hiện và giải ngân vốn sự nghiệp và vốn đầu tư công 06 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 09 tháng, ước thực hiện cả năm 2023; dự kiến kế hoạch năm 2024 (theo tổng hợp, tham mưu của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 158/TTr-SLĐTBXH ngày 16/8/2023), Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Phước như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2023

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện chương trình đã được ban hành kịp thời, đầy đủ theo văn bản hướng dẫn của trung ương và được bổ sung để phù hợp với đặc thù của tỉnh¹.

Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05/4/2023 về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và vốn 03 Chương trình MTQG năm 2023.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ tỉnh xuống cơ sở đảm bảo tập trung, thống nhất, phát huy trách nhiệm người đứng đầu, đồng thời phân công, phân cấp trách nhiệm từng cấp, từng ngành, từng thành viên trong Ban Chỉ đạo; trong điều hành, thường xuyên đôn đốc các đơn vị tuân thủ quy định Luật Đầu tư công, quyết định, chỉ thị, hướng dẫn của Chính phủ. Các huyện, thị xã, thành phố kịp thời nắm bắt

¹ Công văn triển khai thực hiện Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Kế hoạch giám sát, đánh giá Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2023; Công văn thuận chủ trương tổ chức các lớp tập huấn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định phân bổ vốn sự nghiệp đợt 1 năm 2023.

các nội dung chỉ đạo, duy trì tốt chế độ giao ban định kỳ và tập trung tháo gỡ khó khăn, hạn chế vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

1. Ngân sách Trung ương năm 2022, 2023

- *Nguồn vốn đầu tư công*: năm 2022: 876 triệu, năm 2023: 3.079 triệu đồng.

- *Nguồn vốn sự nghiệp*: năm 2022: 21.376 tỷ đồng, năm 2023: 50.833 triệu đồng². Trong đó, đã phân bổ vốn sự nghiệp đợt 1 năm 2023 là 40.206 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 35.968 triệu đồng, ngân sách địa phương đối ứng: 4.238 triệu đồng (ngân sách tỉnh là 1.965, ngân sách huyện là 2.273 triệu đồng).

2. Ngân sách địa phương

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định phân bổ nguồn vốn năm 2022, 2023 do Trung ương hỗ trợ cho các đơn vị và các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện³.

Thực hiện Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, địa phương đối ứng 15% trên tổng nguồn do Trung ương cấp, tỷ lệ phân bổ từng nguồn vốn cho từng dự án sẽ cụ thể theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh. Năm 2022, vốn địa phương đối ứng theo Quyết định số 1624/QĐ-UBND của UBND tỉnh là 2.366 triệu đồng, năm 2023 theo Quyết định số 990/QĐ-UBND là 4.238 triệu đồng.

Bên cạnh đó, để thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, năm 2022 ngân sách tỉnh bố trí 64 tỷ đồng, năm 2023 là 51.867 triệu đồng.

Đến hết tháng 6/2023, tiến độ giải ngân các nguồn vốn như sau:

+ Nguồn sự nghiệp năm 2022: đã giải ngân 2.528 triệu đồng (đạt 10.65%).

+ Nguồn Đầu tư công:

+ Vốn 2022: 263 triệu đồng có 02 đơn vị đã giải ngân 100% nguồn vốn 2022 (Đông Phú, Bù Đốp) 41 triệu đồng, đạt 15%.

+ Vốn 2023: 924 triệu, 01 đơn vị giải ngân 100% nguồn vốn 2023 (Bù Đăng), đạt 16%.

3. Nguồn huy động khác

² Quyết định số 1046/QĐ-BTC ngày 05/9/2022 của Bộ Tài Chính; Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 và Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2023 (đợt 1).

Phối hợp Ủy ban MTTQVN tỉnh hỗ trợ xây 826 căn nhà trị giá 46.568 tỷ đồng; sửa chữa 09 căn nhà trị giá 239 triệu đồng từ nguồn vận động của Ủy ban MTTQVN tỉnh. Chi hỗ trợ học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn 220 triệu đồng.

III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

Đầu năm 2022, do việc thay đổi chuẩn nghèo tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, kết quả hộ nghèo sau rà soát phát sinh tăng: toàn tỉnh có 4.894 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,75%, trong đó hộ nghèo DTTS là 2.835 hộ, tỷ lệ hộ nghèo DTTS/tổng số hộ DTTS là 6,17%.

Cuối năm 2022, toàn tỉnh đã thoát được 2.481 hộ nghèo, đạt 115% so với kế hoạch; trong đó, đã giảm được 1.166 hộ nghèo là đồng bào DTTS (đạt 115%).

Đầu năm 2023, Bình Phước chỉ còn 2.879 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,03% trên tổng số hộ dân (trong đó có 1.696 hộ nghèo là đồng bào DTTS chiếm tỷ lệ 58,7% tổng số hộ nghèo); 3.062 hộ nghèo chiếm 1,09% trên tổng số hộ dân. Dự kiến cuối năm 2023 tiếp tục giảm 2.000 hộ nghèo, trong đó có giảm 1.005 hộ nghèo đồng bào DTTS.

Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nước sạch và vệ sinh, thông tin, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo.

Các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện theo quy định sẽ được thụ hưởng các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững.

IV. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình

*** Nguồn kinh phí năm 2022**

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, sau khi HĐND tỉnh ban hành 01 nghị quyết vào tháng 12/2022, bước sang năm 2023 hiện chưa giải ngân được do vì phải có Quy định cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc bằng hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Quy định này phải thực hiện theo quy trình của văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến ban hành trong tháng 8/2023. Sau khi có quy định quay vòng vốn, các huyện sẽ triển khai thực hiện.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- *Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp* do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện. Việc giải ngân cũng phải chờ quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh. Ngày 27/6/2023,

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND về nội dung này, hiện các huyện vẫn phải chờ quy định về quay vòng vốn để áp dụng thực hiện, vì vậy trong 6 tháng đầu năm 2023 chưa thực hiện giải ngân được tiểu dự án này, dự kiến tháng 8/2023 sẽ triển khai thực hiện được (sau khi UBND tỉnh ban hành quy định quay vòng vốn).

Cấp huyện: có 01/11 đơn vị cấp huyện hoàn thành giải ngân nguồn vốn năm 2022 (huyện Bù Đốp), đã giải ngân 336 triệu đồng, đạt 9,6%.

- *Tiểu Dự án 2:* Cải thiện dinh dưỡng do Sở Y tế chủ trì; năm 2022, Trung ương không phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện dự án này.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

* *Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

- Kết quả giải ngân: 637 triệu/5.959 triệu (đạt 11%), trong đó:

+ Cấp tỉnh: Sở Tài chính đã thẩm định dự toán đợt 1: 384 triệu đồng/1,04 tỷ đồng, đang tiến hành các hoạt động giải ngân 120 triệu đồng.

+ Cấp huyện: huyện Lộc Ninh giải ngân 517 triệu đồng (đạt 100% nguồn vốn giao), các huyện còn lại đang giải ngân.

- Nội dung đã triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đã tập huấn khảo sát nhu cầu học nghề tại 11 huyện, thị xã, thành phố.

+ Huyện Hớn Quản: Đã tổ chức tập huấn; tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề ngắn hạn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập thấp và đã hoàn thành phiếu điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu học nghề trên địa bàn huyện.

+ Huyện Lộc Ninh: tổ chức 05 lớp đào tạo nghề với 178 học viên, trong đó: 03 lớp đào tạo nghề Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho bò (tại xã Lộc Phú, Lộc An, Lộc Khánh) và 02 lớp đào tạo nghề Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho Dê (tại xã Lộc Quang, Lộc Thuận).

* *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- ***Nguồn vốn đầu tư phát triển:***

+ Cấp tỉnh: 2,768 tỷ đồng đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, hiện đang tiến hành giải ngân.

+ Cấp huyện: đối với nguồn vốn năm 2022 chỉ có 02 đơn vị giải ngân là huyện Đồng Phú (20 triệu, đạt 100%), Bù Đốp (21 triệu đạt, 100%); huyện Bù Đăng giải ngân 150 triệu của năm 2023, 8 huyện còn lại chưa giải ngân.

- **Nguồn vốn sự nghiệp:**

Kết quả giải ngân: 213/2.286 triệu đồng (đạt 9.3%).

Nội dung đã triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đã tổ chức điều tra thu thập dữ liệu người tìm việc - việc tìm người và dữ liệu người lao động tại 11 huyện, thị xã, thành phố.

+ Huyện Phú Riềng: đang xây dựng kế hoạch phối hợp với Trung tâm dạy nghề của tỉnh và UBND các xã để triển khai thực hiện dự án theo quy định

+ Huyện Hớn Quản: tổ chức phiên giao dịch việc làm năm 2023 với kinh phí 94 triệu/94 triệu.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

* *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì.*

- Kết quả giải ngân 249.093 triệu đồng, đạt 99,6%.

- Nội dung đã triển khai thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố tổ chức 11 lớp tập huấn bồi dưỡng về kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thông tin cơ sở biên tập, xử lý tin, bài phát thanh thực hiện các nội dung liên quan đến giảm nghèo bền vững; kỹ năng sử dụng phần mềm hệ thống truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông.

* *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì.*

- Kết quả giải ngân: 244/342 triệu (đạt 71.35%).

- Nội dung đã triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đã xây dựng phóng sự trên Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Phước với tổng kinh phí 99 triệu, đạt 90,82%. Có 08 huyện đã giải ngân 100% kinh phí, 03 đơn vị còn lại đang tiến hành giải ngân.

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

- Kết quả giải ngân: 583/3.259 triệu đồng (đạt 17,9%).

- Nội dung đã triển khai thực hiện: Các đơn vị đã tổ chức các đợt tập huấn công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022 và hướng dẫn sử dụng phần mềm Connection; thực hiện phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022, tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ giảm nghèo các cấp và tập huấn chuyên đề “Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo và đối tượng yếu thế”.

* **Nguồn 2023**: Trung ương phân bổ 50.833 triệu đồng, UBND tỉnh phân bổ kinh phí đợt 1 (37.993 triệu đồng tại Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 16/6/2023); các địa phương đang tập trung triển khai thực hiện.

V. Đánh giá chung

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND và Thường trực Ban Chỉ đạo; sự nỗ lực, trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương cũng như sự hưởng ứng tích cực thực hiện của cộng đồng, người dân, công tác giảm nghèo qua các năm đã đạt được những kết quả tích cực, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch hỗ trợ giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn góp phần đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được thực hiện công khai, minh bạch từ việc xác định đối tượng hỗ trợ (hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo) đến việc phân bổ vốn (*thông qua các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn được quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh*) và kiểm tra giám sát của các cơ quan Trung ương, địa phương, cộng đồng, người dân, đặc biệt là sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, vẫn còn những khó khăn, vướng mắc sau đây:

1. Khó khăn vướng mắc chung

- Về cơ chế: Một số nội dung theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ phải trình HĐND tỉnh ban hành hoặc UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền để quy định nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân của Chương trình. Nội dung phân bổ nguồn vốn theo định mức, tiêu chí và mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục phải tham mưu HĐND ban hành Nghị quyết; nội dung Quy định cơ chế quay vòng vốn do UBND tỉnh ban hành theo quyết định quy phạm pháp luật. Do phải chờ Nghị quyết nên tiến độ tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 chậm hơn so với mọi năm; vì vậy ảnh hưởng đến việc giải ngân sớm nguồn vốn được phân bổ.

Một số văn bản của Trung ương chưa sát với thực tế nên gây khó khăn cho sở sở khi triển khai thực hiện, phải sửa đổi, bổ sung và việc sửa đổi, bổ sung còn chậm (Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH sửa đổi vào ngày 12/4/2023 tại Thông tư số 02/TT-BLĐTBXH; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP mới được sửa đổi, bổ sung vào ngày 24/6/2022 tại Nghị định số 38/NĐ-CP).

- Về nguồn vốn: Trung ương chậm phân bổ nguồn vốn năm 2022 nên trong năm 2022 không giải ngân được nguồn vốn. Thực hiện Nghị quyết số 69/2022/QH15 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước 2023, nguồn vốn năm 2022 được chuyển sang thực hiện năm 2023.

- Về văn bản: Hướng dẫn thực hiện của Trung ương chưa kịp thời, đồng bộ, chưa sát với thực tế. Ngày 28/7/2022 Bộ Tài chính mới ban hành Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sự nghiệp và hiện đang phải sửa đổi, bổ sung (đã có văn bản lấy ý kiến).

2. Khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện tại tỉnh

- **Dự án 2:** Một số đơn vị như (thị xã Chơn Thành, thành phố Đồng Xoài) không đủ các đối tượng theo quy định để thực hiện dự án do số hộ nghèo, cận nghèo đa số thuộc đối tượng già yếu, không có sức lao động, mẹ đơn thân nuôi con nhỏ, còn lại một số khẩu trong độ tuổi lao động đã đi làm ở một số công ty, xí nghiệp, cạo mủ cao su...không có nhu cầu thực hiện.

- **Dự án 4:** Tiểu dự án 3: Việc giải ngân nguồn vốn phải thực hiện theo các quy định của Luật đầu tư công và phải thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động - TB&XH tại Công văn 3617/LĐTĐ-BHXH-VL ngày 19/9/2022; theo đó, chỉ thực hiện 03 nội dung chi gồm: chi hiện đại hóa thông tin thị trường lao động, chi sàn giao dịch việc làm trực tuyến và chi xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, nhưng khi phân bổ phải theo các định mức và tiêu chí của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh nên số kinh phí phân bổ không đủ để các huyện thực hiện mua sắm trang thiết bị.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2024

Giai đoạn từ 2022 - 2025, tỉnh Bình Phước áp dụng chuẩn nghèo mới theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (chuẩn nghèo tăng gấp đôi so với giai đoạn trước), do vậy cần nguồn lực lớn để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu.

Năm 2024 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Công tác giảm nghèo được sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Giảm nghèo bền vững được xác định là một trong 13 Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Bên cạnh sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền còn có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và sự ủng hộ của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong công tác giảm nghèo bền vững.

Bình Phước có 03 huyện biên giới, đường biên giới dài 258,939 km, có 5 xã đặc biệt khó khăn, 25 thôn đặc biệt khó khăn, 3 xã thuộc vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Tại các khu vực này, mật độ dân cư thưa, cơ sở hạ tầng còn hạn chế nên cần nguồn lực lớn để hỗ trợ. Bên cạnh đó việc huy động nguồn lực để thực hiện chương trình cũng gặp khó khăn do tác động của giai đoạn sau đại dịch Covid-19.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, tạo sinh kế để hỗ trợ người nghèo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1,5-2%/năm.
- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nước sạch và vệ sinh, thông tin, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.
- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo.
- Các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện theo quy định sẽ được thụ hưởng các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững.

3. Kết quả chủ yếu

- Hỗ trợ xây dựng, phát triển các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm tốt, có thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.
- Hỗ trợ người nghèo nâng cao năng lực sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- Phát triển đồng bộ giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo; hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với việc làm bền vững, tạo sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nghèo; góp phần hạn chế người dân rơi vào tình trạng đói nghèo, tái nghèo.
- Kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phát triển thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động thuộc các vùng nghèo, vùng khó khăn; hỗ trợ cho người lao động sinh sống trên địa bàn nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Phát triển hệ thống thông tin, viễn thông phục vụ cộng đồng, tăng cường cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ người dân sinh sống có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ thông tin, viễn thông phổ cập.

- Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú sinh sống trên địa xã đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ người nghèo tự xác định được tình trạng nghèo của hộ gia đình, kết nối với thị trường và nâng cao nhận thức, năng lực vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình

Kế hoạch đăng ký vốn ngân sách Nhà nước Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024: 44.117 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển 3.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 41.117 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 38.968 triệu đồng, gồm: vốn đầu tư phát triển là 3.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp 35.968 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương đối ứng (vốn sự nghiệp): 5.149 triệu đồng.

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) *Mục tiêu:* Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế nhằm hỗ trợ việc làm, sinh kế bền vững phù hợp, tạo ra nhu nhập tốt và ổn định cho các nhóm đối tượng thụ hưởng của Dự án nhằm giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh (không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở GDNN; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các mô hình giảm nghèo, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện.

c) *Nội dung hoạt động:* dự kiến 03 hoạt động chính gồm: Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. Bao gồm những hoạt động chính sau:

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.
- Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.
- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.
- Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.
- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.
- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 15.786 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 13.727 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 2.059 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) (không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới); ưu

tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Chú trọng thực hiện ở các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, có tiềm năng thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường, có khả năng thu hút các doanh nghiệp hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất bền vững.

c) Nội dung:

- Thực hiện 22 mô hình sản xuất tại 11 huyện, thị xã, thành phố. Trong đó: Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi cho các đối tượng tham gia mô hình sản xuất.

- Tổ chức 10 lớp tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm.

- Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể

- Hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp đó ở quy mô lớn hơn, ở các địa bàn khác; ưu tiên nhân rộng các mô hình, giải pháp sáng tạo, hiệu quả có sự tham gia tích cực, chủ động của các địa phương, đối tác phát triển, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan dịch vụ công, các viện, trường.

- Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 6.903 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 5.568 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 835 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Đối ứng của người dân: 500 triệu đồng.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) *Mục tiêu:* Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn.

b) *Đối tượng:* Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) *Nội dung hỗ trợ:*

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) *Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) *Dự kiến kinh phí*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 3.098 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 2.694 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 404 triệu đồng.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) *Mục tiêu:*

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) *Đối tượng:* Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn.

c) *Nội dung hỗ trợ:*

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất

trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm cho vùng khó khăn.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.592 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.254 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 338 triệu đồng.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Đối tượng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn; Các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp dịch vụ việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

c) Nội dung:

+ Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động.

+ Thu thập, chuẩn hóa cập nhật dữ liệu phần mềm tìm người – tìm việc.

+ Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng vận hành quản lý, sử dụng hệ thống thông tin quản lý lao động.

+ Điều tra, khảo sát, Thu thập thông tin phục vụ phân tích thị trường lao động, dự báo thị trường lao động.

+ Tuyên truyền phổ biến thị trường lao động.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn

- *Nguyên tắc phân bổ vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 9.523 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 8.672 triệu đồng (5.672 triệu đồng vốn sự nghiệp, 3.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển).

- Ngân sách địa phương: 851 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu:

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống tại các địa bàn thực hiện Chương trình. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

- Sản xuất mới các tác phẩm, sản phẩm báo chí, xuất bản sản phẩm truyền thông khác để cung cấp sản phẩm thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí: Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 914 triệu đồng ngân sách trung ương (vốn sự nghiệp)

4.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.122 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.869 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 253 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) *Mục tiêu:* tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) *Đối tượng:* Đội ngũ cán bộ, nhân viên các cấp thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể); cán bộ, nhân viên, cộng tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng và các chức sắc tôn giáo tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình giảm nghèo, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) *Nội dung:*

+ Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho các nhóm đối tượng của Dự án.

+ Nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên, nhất là cấp cơ sở trong việc hỗ trợ người dân giảm nghèo về thông tin.

d) *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh.

e) *Dự kiến kinh phí:*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.818 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.450 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 368 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) *Mục tiêu:* Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình tại các địa phương, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đề ra.

b) *Đối tượng:* Các cơ quan chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, các hoạt động thuộc Chương trình; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

c) *Nội dung thực hiện:*

+ Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ để cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình; kiến nghị các cấp có thẩm

quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

+ Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình.

+ Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

+ Tổ chức thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm, hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định và cập nhật trên phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.150 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 1.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 150 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

IV. Giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

2. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Ngoài kinh phí từ Ngân sách Trung ương phân bổ, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và huy động đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

3. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình: Tiếp tục áp dụng nguyên tắc trong quản lý, trình tự xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm, đẩy mạnh phân cấp, trao quyền cho địa phương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực, không rơi vào tình trạng nghèo

đổi. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

5. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì thực hiện các nội dung: đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, truyền thông về giảm nghèo đa chiều, nâng cao năng lực thực hiện chương trình; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 đảm bảo theo quy định.

3. Sở Tài chính: tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện dự án đúng theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh, đồng thời thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Sở Y tế: trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo thông tin; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, xóa mù chữ và tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tỷ lệ người lao

động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo; hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế cho người nghèo.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các Sở, ngành và địa phương theo quy định.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình;

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát;

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định ./.

(Chi tiết kèm theo 04 phụ lục)

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Văn phòng QGGN;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH, Sở KHĐT, Sở Tài chính;
- LĐVP, Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KGVX (Ch).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh